

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 09 tháng 01 năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân.

Bà Phạm Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hồ Quang K.

Tên gọi khác: H; Sinh năm: 1980, tại tỉnh Bến Tre.

Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông

Con ông: Hồ Văn T, sinh năm 1962, hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn Đ, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Con bà: Võ Thị C (Đã chết).

Bị cáo có vợ là chị Phạm Thị V, sinh năm 1980, Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2015. Hiện đang sống tại thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh – Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Văn N.

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1954, tại tỉnh Bến Tre.

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 4/10; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Trần Văn N (đã chết); con bà: Đỗ Thị X (đã chết).

Bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1958, hiện đang sinh sống tại thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 04 người con, đến nay đều đã trưởng thành.

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh – Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn L.

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1984, tại tỉnh Bến Tre

Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Thôn D, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1945. Con bà: Phan Thị D, sinh năm 1949. Hiện cả hai đang sinh sống tại Thôn D, xã I, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1989, hiện đang sinh sống tại Thôn D, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh - Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn Ch.

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1972, tại tỉnh Bến Tre

Nơi ĐKNKTT: Thôn D, xã I, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Thôn D, xã I, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Nguyễn Văn K (đã chết). Con bà: Lê Thị Q (đã chết).

Bị cáo có vợ là Võ Thị H, sinh năm 1980 (đến nay đã ly hôn). Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2005 (hai con của bị cáo sinh sống cùng mẹ tại tỉnh Đồng Tháp).

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh - Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Nguyễn Tấn Đ.

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990, tại tỉnh Bến Tre

Nơi ĐKNKTT: thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở: Thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1962, con bà: Lê Thị Đ1, sinh năm 1969. Hiện cả hai đang cư trú tại thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có vợ là chị Đinh Thị H, sinh năm 1992, hiện đang cư trú tại thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh - Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Võ Thành T.

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1980, tại tỉnh Bến Tre

Nơi ĐKNKTT: Thôn G, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Chỗ ở: Thôn G, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Võ Văn S, sinh năm 1952. Con bà: Võ Thị R, sinh năm 1949. Hiện cả hai đang cư trú tại thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1987, hiện đang cư trú và sinh sống tại thôn G, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh - Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Phan Văn C.

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1986, tại tỉnh Bến Tre

Nơi ĐKNKTT: Thôn Đ, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Thôn Đ, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Phan Văn Ch, sinh năm 1953. Con bà: Lê Thị N, sinh năm 1960. Hiện cả hai đang cư trú tại ấp A, xã Ph, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh - Có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Thị C1.

Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1982, tại tỉnh Bến Tre

Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở: Thôn V, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông.

Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1945. Con bà: Phan Thị D, sinh năm 1949. Hiện cả hai đang sinh sống và cư trú tại thôn D, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có chồng là anh Đoàn Nguyễn A, sinh năm 1982, hiện đang sinh sống và cư trú tại thôn V, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2002.

Tiền sự, tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Đoàn Nguyễn Thế A, sinh năm 2002.

Đại diện hợp pháp cho cháu A: Bà Nguyễn Thị C1 – Là mẹ ruột.

(Bà C1 có mặt, cháu A vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn V, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Trần Thanh P, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3. Chị Phan Thị B

Trú tại: Thôn Đ, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

4. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1969

Trú tại: Thôn T, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

5. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1980

Trú tại: Thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

6. Chị Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn D, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 29/8/2018, Trần Văn N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61G1-180.16 đến chòi rẫy của Hồ Quang K để chơi thì được K rủ ở lại chơi đánh bạc bằng hình thức xóc Tài - Xiu được thua bằng tiền. Khi N đồng ý, K gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ. Sau đó, Nguyễn Văn L rủ thêm Nguyễn Văn C cùng đi. C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47M4-4722 của L để chở L đến chòi rẫy của K. Khi đi, L mang theo 01 đĩa sứ; 01 nắp nhựa và 03 viên nhựa hình lục giác, trên các mặt có các chấm màu đỏ, đen (còn gọi là hột xúc xắc). Đến nơi, C lấy chiếu trải ra giữa chòi, sau đó, đặt tám bát màu trắng đục bằng nilong có chữ "Tài", "Xiu" và có các con số từ 4 đến 17 đặt lên chiếu, đồng thời L cũng lấy các hột xúc xắc, đĩa sứ và nắp nhựa để lên chiếu. L là người cầm cái, C ngồi bên cạnh giúp L thu hoặc trả tiền cho các con bạc. Trong lúc L, K, N và C đang đánh bạc thì Nguyễn Tấn Đ đi xe máy biển kiểm soát 48F2-9174 đến và cùng tham gia. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Võ Thành T đến chòi của K, thấy các đối tượng đang đánh bạc nên cũng vào tham gia. Tiếp theo có Phan Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47P1-067.94 đến chòi của K mang theo nước ngọt, thuốc lá đến với mục đích bán cho các con bạc, nhưng khi đến nơi thấy các con bạc đang đánh thì C cũng vào tham gia. Do biết tại chòi rẫy của K đang đánh bạc ăn tiền nên Nguyễn Thị C1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47AB-957.33 đến để đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi các đối tượng trên đang đánh bạc thì bị Công an huyện Ea Súp bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc số tiền: 20.080.000 đồng.

Quá trình điều tra cho thấy: Đánh bạc bằng hình thức xóc Tài – Xiu mà các đối tượng chơi có hình thức: dùng 03 hột xúc xắc (mỗi hột có 06 mặt, các mặt lần lượt có từ 01 đến 06 chấm tròn màu đen, đỏ) bỏ vào một chiếc đĩa và đập lại bằng chiếc nắp nhựa. Khi đánh, người cầm cái xóc cho những người khác đặt tiền cược vào bên “Tài” hoặc bên “Xiu”, sau khi đặt xong thì người cầm cái mở nắp ra. Kết quả được tính bằng cách cộng các chấm ở mặt trên cùng của 03 hột xúc xắc lại với nhau, mỗi chấm

là một điểm. Nếu số điểm từ 04 đến 10 thì người nào đặt cược bên "Xiu" thắng, bên "Tài" thua. Nếu số điểm từ 11 đến 17 thì người đặt cược bên "Xiu" thua, bên "Tài" thắng. Tỷ lệ được thua mỗi ván giữa người cầm cái và con bạc là 1 ăn 1, có nghĩa là người đặt cược bao nhiêu thì được hoặc thua bấy nhiêu. Số tiền các con bạc đặt cược mỗi ván không cố định, nhưng tối thiểu là 10.000đ và tối đa là 200.000đ. Ban đầu tham gia Hồ Quang K có hơn 02 triệu đồng, đến thời điểm bị bắt K không kiểm soát được tiền thắng hay thua ra sao. Trần Văn N có 650.000đ, đến thời điểm bị bắt N thua 50.000đ. Nguyễn Văn L có 4.100.000đ, đến thời điểm bị bắt L thua số tiền 1.100.000đ. Nguyễn Văn Ch có 260.00đ, nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc mà chỉ ngồi bên cạnh để giúp L thu hoặc trả tiền cho các con bạc khác khi L thắng hoặc thua. Nguyễn Tấn Đ có 1.000.000đ, đến thời điểm bị bắt Đ không biết rõ mình thắng hay thua bao nhiêu tiền. Võ Thành T có hơn 4.000.000đ (không biết chính xác số tiền là bao nhiêu) đến thời điểm bị bắt T thua khoảng 1.000.000đ. Nguyễn Thị C1 có 4.850.000đ, C1 lấy 150.000đ để chơi, đến thời điểm bị bắt C1 thua 140.000đ, Phan Văn C có 300.000đ. Quá trình điều tra vụ án, các đối tượng: Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ và Trần Văn N còn khai nhận đã nhiều lần đánh bạc tại chòi rẫy của Hồ Quang K. Tuy nhiên, qua xác minh nhận thấy không đủ cơ sở để kết luận nên không đặt ra xử lý.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã thu giữ:

- + Số tiền 20.080.000đ trên chiếu bạc;
- + 01 đĩa tròn bằng sứ, đường kính 09cm, sâu 2,5cm;
- + 01 nắp nhựa màu đỏ, viền dán băng keo màu đen rộng 1,5cm, đường kính 6,5cm, sâu 4,3cm, dạng hình trụ rỗng một đầu bịt kín.
- + 03 viên nhựa hình lục giác, có các chấm màu đỏ, đen trên các mặt;
- + 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei1 867582036887916 của Trần Văn N;
- + 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei1 864271032961593 của Phan Văn C;
- + 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS 106 màu đen, số Imei1 867582036829017 của Võ Thành T;
- + 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu xanh nhạt, số Imei 353408094159942 của Hồ Quang K;
- + 01 điện thoại di động hiệu FORME màu xanh lá, số Imei 3590710807533138 của Nguyễn Văn Ch;
- + 01 chiếu cói kích thước (1,6x2)m của gia đình Hồ Quang K;
- + 01 tấm bạt nilong màu trắng đục, có đặc điểm: mặt trên tấm bạt ghi các con số từ 4 đến 17, được chia làm hai phần, một bên có chữ TÀI, một bên có chữ XIU, kích thước tấm bạt (1,16x0,98)m do Nguyễn Văn L nhặt được;
- + 01 xe mô tô nhãn hiệu DETECH màu xanh đen, biển kiểm soát 47AB-957.33, số máy VDEJQ139FMB-2306496, số khung RPEKCB3PEHA306496;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 61G1-180.16, số máy 5C63584282, số khung RLCS5C630BY584229;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ANGEL màu vàng, biển kiểm soát 47P1-067.94, số máy VMVCAA-D008981, số khung RLGMD11CDCD008981;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 48F2-9174, số máy C100ME-0090347, số khung C100M0090347;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47P1-047.11, số máy JC52E-5181171, số khung RLHJC522XCY705109;

+ 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 47M4-4722, số máy RL1150FMG-A000398, số khung RL1DCG4HY6B000398;

Thu giữ trong cốp xe mô tô hiệu WAVE RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47P1-047.11, số máy JC52E-5181171, số khung RLHJC522XCY705109 những đồ vật sau: 11 hột nhựa hình lục giác có các chấm màu đen, đỏ từ 01 đến 06; 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 10,5cm; 01 nắp nhựa màu đỏ hình trụ rỗng, đường kính 6,4cm; 22 thanh kim loại được uốn cong, nhọn một đầu theo hình cựa gà nằm trong 11 bao da màu nâu (mỗi bao da là 02 thanh kim loại) dài 8,8cm; 03 thanh kim loại bề mặt nhám kích thước (1,5x9,5)cm; 01 tấm bạt bằng nylon kích thước (105x100)cm, một mặt xanh, một mặt nâu có ghi số từ 4 đến 17 và số 20, 30 chia làm hai bên có chữ TÀI, XỈU, giữa tấm bạt có ghi chữ "Hột kê hòa"; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 47P1-047.11 mang tên Phạm Thị V, xe; 01 giấy phép lái xe mang tên Hồ Quang K số 660128806432;

+ Thu giữ số tiền 45.000.000đ trên người Hồ Quang K. Đối với chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Tấn Đ sử dụng để liên lạc trong quá trình đánh bạc, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ea Súp không thu giữ được vì khi đi tham gia đánh bạc Nguyễn Tấn Đ không đem điện thoại theo. Sau khi bị bắt quả tang, bị tạm giữ trở về nhà, Đ không thấy chiếc điện thoại đó nữa.

Qua điều tra đã xác minh được: Trần Văn N, Phan Văn C, Nguyễn Văn Ch và Võ Thành T không sử dụng điện thoại của mình vào mục đích phạm tội. Riêng Hồ Quang K đã sử dụng chiếc điện thoại của mình để gọi cho Nguyễn Văn L và Nguyễn Tấn Đ đến tham gia đánh bạc. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH màu xanh đen, biển kiểm soát 47AB-957.33, số máy VDEJQ139FMB-2306496, số khung RPEKCB3PEHA306496 là tài sản của Đoàn Nguyễn Thế A - con bà Nguyễn Thị C. Việc Nguyễn Thị C1 dùng chiếc xe máy nói trên đi đánh bạc, Đoàn Nguyễn Thế A hoàn toàn không biết. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 61G1-180.16, số máy 5C63584282, số khung RLCS5C630BY584229 là tài sản của anh Trần Thanh Ph - con trai của Trần Văn N, việc ông N dùng xe mô tô nói trên đi đánh bạc anh Ph không biết. Xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại ANGEL màu vàng, biển kiểm soát 47P1-067.94, số máy VMVCAA-D008981, số khung RLGMD11CDCD008981 là xe của chị Phan Thị Bé P. Ngày 29/8/2018, Phan Văn C dùng chiếc xe trên đưa con của chị P đi học. Sau đó, dùng làm phương tiện đi đánh bạc. Chị P hoàn toàn không biết. Xe mô tô nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm

soát 48F2-9174, số máy C100ME-0090347, số khung C100M0090347 là của gia đình bà Lê Thị Đ cho Nguyễn Tấn Đ mượn làm phương tiện đi lại. Việc Nguyễn Tấn Đ sử dụng chiếc xe mô tô nói trên đi đánh bạc bà Đ hoàn toàn không biết. Xe mô tô nhãn hiệu WAVE RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47P1-047.11, số máy JC52E-5181171, số khung RLHJC522XCY705109 là xe của chị Phạm Thị V - là vợ của Hồ Quang K. Sáng ngày 29/8/2018, K sử dụng chiếc xe máy nói trên đi lên chòi rẫy làm việc, sau đó mới phát sinh đánh bạc. K không có mục đích đi đánh bạc từ đầu. Xe mô tô nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 47M4-4722, số máy RL1150FMG-A000398, số khung RL1DCG4HY6B000398 là tài sản chung của L và chị Nguyễn Thị Bé T. Việc L sử dụng chiếc xe trên để làm phương tiện đánh bạc, chị T hoàn toàn không biết. Với số tiền 45.000.000đ thu giữ trên người Hồ Quang K được xác định là của ông Hồ Văn T là bố đẻ của Hồ Quang K nhờ K cất giữ, K mang theo số tiền trên để trong người nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Ngày 07/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 35 bằng hình thức: Trả lại ông Trần Văn N: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei1 867582036887916; Trả cho Phan Văn C: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei1 864271032961593; Trả lại Võ Thành T: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS 106 màu đen, số Imei1 867582036829017; Trả lại Nguyễn Văn Ch: 01 điện thoại di động hiệu FORME màu xanh lá, số Imei 3590710807533138; Trả cho Đoàn Nguyễn Thế A: 01 xe máy nhãn hiệu DETECH màu xanh đen, biển kiểm soát 47AB-957.33, số máy VDEJQ139FMB-2306496, số khung RPEKCB3PEHA306496. Trả cho Trần Thanh Ph: 01 xe máy nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 61G1-180.16, số máy 5C63584282, số khung RLCS5C630BY584229. Trả cho chị Phan Thị Bé P: 01 xe máy nhãn hiệu SYM, loại ANGEL màu vàng, biển kiểm soát 47P1-067.94, số máy VMVCAA-D008981, số khung RLGMD11CDCD008981. Trả cho chị Phạm Thị V: 01 xe máy nhãn hiệu WAVE RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47P1-047.11, số máy JC52E-5181171, số khung RLHJC522XCY705109; 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Phạm Thị V, xe biển kiểm soát 47P1-047.11; Trả cho bà Lê Thị Đ: 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 48F2-9174, số máy C100ME-0090347, số khung C100M0090347. Trả cho Hồ Quang K: 01 giấy phép lái xe mang tên Hồ Quang K số 660128806432. Trả cho ông Hồ Văn T: Số tiền 45.000.000đ.

Đối với số tiền 20.080.000đ thu tại chiếu bạc có 260.000đ của Nguyễn Văn Ch, suốt quá trình đánh bạc Ch không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc mà chỉ ngồi giúp sức cho L.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện E đã xác định: Căn chòi của Hồ Quang K – là nơi diễn ra sự việc phạm tội có giá trị 15.420.000đ (*mười năm triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng*). Đây là tài sản chung của vợ chồng Hồ Quang K. Việc đánh bạc diễn ra tại chòi rẫy của gia chị Phạm Thị V hoàn toàn không biết.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 47M4-4722, số máy RL1150FMG-A000398, số khung RL1DCG4HY6B000398 là tài sản chung của Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Bé T được Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E xác định có giá trị 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Việc L dùng xe trên đi đánh bạc chị T không biết.

Bản Cáo trạng số: 52/KSĐT - HS ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã truy tố các bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn N và Phan Văn C về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn N và Phan Văn C khai nhận toàn bộ hành vi đúng như trong quá trình điều tra, nội dung bản Cáo trạng và nội dung tóm tắt đã nêu trên.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn Nt và Phan Văn C tại bản cáo trạng số: 52/KSĐT - HS ngày 28 tháng 11 năm 2018. Đồng thời đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn Nt và Phan Văn C phạm tội “*Đánh bạc*”.

Về hình phạt: - Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Quang K từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Võ Thành T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch: 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị HĐXX:

Về xử lý vật chứng:

- Tuyên tịch thu tủy hủy:
 - + 01 đĩa tròn bằng sứ, đường kính 09cm, sâu 2,5cm;
 - + 01 nắp nhựa màu đỏ, viền dán băng keo màu đen rộng 1,5cm, đường kính 6,5cm, sâu 4,3cm, dạng hình trụ rỗng một đầu bịt kín.
 - + 03 viên nhựa hình lục giác, có các chấm màu đỏ, đen trên các mặt;
 - + 01 chiếu cói kích thước (1,6x2)m của gia đình Hồ Quang K;
 - + 01 tấm bạt nilong màu trắng đục, có đặc điểm: mặt trên tấm bạt ghi các con số từ 4 đến 17, được chia làm hai phần, một bên có chữ TÀI, một bên có chữ XỈU, kích thước tấm bạt (1,16x0,98)m;
 - + 11 hột nhựa hình lục giác có các chấm đen, đỏ từ 01 đến 06;
 - + 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 10,5cm
 - + 01 nắp nhựa màu đỏ hình trụ rỗng, đường kính 6,4cm
 - + 03 thanh kim loại bề mặt nhám kích thước 1,5x9,5cm
 - + 22 thanh kim loại được uốn cong, nhọn một đầu theo hình cựa gà nằm trong 11 bao da màu nâu dài 8,8cm
 - + 01 tấm bạt bằng nilong kích thước 105x100cm, một mặt xanh, một mặt nâu có ghi số thứ tự từ 04 đến 17 và số 20, 30 chia làm 02 bên có chữ tài, xỉu, giữa tấm bạt có ghi hột kê hòa. Là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 35 bằng hình thức: Trả lại ông Trần Văn N: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei 867582036887916; Trả cho Phan Văn C: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei 864271032961593; Trả lại Võ Thành T: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS 106 màu đen, số Imei 867582036829017; Trả lại Nguyễn Văn Ch: 01 điện thoại di động hiệu FORME màu xanh lá, số Imei 3590710807533138; Trả cho Đoàn Nguyễn Thế A: 01 xe máy nhãn hiệu DETECH màu xanh đen, biển kiểm soát 47AB-957.33, số máy VDEJQ139FMB-2306496, số khung RPEKCB3PEHA306496. Trả cho Trần Thanh Ph: 01 xe máy nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 61G1-180.16, số máy 5C63584282, số khung RLCS5C630BY584229. Trả cho chị Phan Thị Bé P: 01 xe máy nhãn hiệu SYM, loại ANGEL màu vàng, biển kiểm soát 47P1-067.94, số máy VMVCAA-D008981, số khung RLGMD11CDCD008981. Trả cho chị Phạm Thị V: 01 xe máy nhãn hiệu WAVE RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47P1-047.11, số máy JC52E-5181171, số khung RLHJC522XCY705109; 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Phạm Thị V, xe biển kiểm soát 47P1-047.11; Trả cho bà Lê Thị Đ: 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 48F2-9174, số máy C100ME-0090347, số khung C100M0090347. Trả cho Hồ Quang K: 01 giấy phép lái xe mang tên Hồ Quang K số 660128806432. Trả cho ông Hồ Văn T: Số tiền 45.000.000đ.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 20.080.000đ thu tại chiếu bạc. (Trong đó có 260.000đ của Nguyễn Văn Ch, suốt quá trình đánh bạc Ch không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc mà chỉ ngồi giúp sức cho L. Tại phiên tòa bị cáo Ch từ chối nhận lại và đề nghị sung công quỹ nhà nước).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu xanh nhạt, số Imei 353408094159942 của Hồ Quang K sử dụng vào mục đích phạm tội.

Truy thu sung công quỹ nhà nước đối với bị cáo Hồ Quang K 1/2 giá trị của căn chòi dùng vào việc phạm tội, trị giá: 7.710.000đ (*bảy triệu bảy trăm mười ngàn đồng*).

Truy thu đối sung công quỹ nhà nước với bị cáo Nguyễn Văn L 1/2 giá trị của chiếc xe máy sử dụng vào việc phạm tội trị giá: 1.500.000đ (*một triệu năm trăm ngàn đồng*).

Các bị cáo không tranh luận gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn N và Phan Văn C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 29/8/2018, bị cáo N đến chòi rầy của bị cáo K để chơi thì được K rủ ở lại chơi đánh bạc bằng hình thức xóc Tài - Xiu được thua bằng tiền. Khi N đồng ý, K gọi điện thoại rủ thêm Nguyễn Văn L, Nguyễn Tấn Đ. Sau đó, Nguyễn Văn L rủ thêm Nguyễn Văn Ch cùng đi. Khi đi, L mang theo 01 đĩa sứ; 01 nắp nhựa và 03 viên nhựa hình lục giác, trên các mặt có các chấm màu đỏ, đen (còn gọi là hột xúc xắc). Đến nơi, Ch lấy chiếu trải ra giữa chòi, sau đó, đặt tám bát màu trắng đục bằng nilong có chữ "Tài", "Xiu" và có các con số từ 4 đến 17 đặt lên chiếu, đồng thời L cũng lấy các hột xúc xắc, đĩa sứ và nắp nhựa để lên chiếu. L là người cầm cái, Ch ngồi bên cạnh giúp L thu hoặc trả tiền cho các con bạc. Trong lúc

L, K, N và Ch đang đánh bạc thì Nguyễn Tấn Đ đi xe máy đến và cùng tham gia. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Võ Thành T đến chòi của K, thấy các đối tượng đang đánh bạc nên cũng vào tham gia. Tiếp theo có Phan Văn C điều khiển xe mô tô đến chòi của K mang theo nước ngọt, thuốc lá đến với mục đích bán cho các con bạc, nhưng khi đến nơi thấy các con bạc đang đánh thì C cũng vào tham gia. Do biết tại chòi rầy của K đang đánh bạc ăn tiền nên Nguyễn Thị C1 điều khiển xe mô tô đến để đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi các bị cáo trên đang đánh bạc thì bị Công an huyện Ea Súp bắt quả tang và thu giữ trên chiếu bạc số tiền: 20.080.000 đồng. Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

“.....”

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội đánh bạc của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đây là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, các bị cáo biết được hành vi đánh bạc sẽ bị pháp luật xử lý nhưng muốn thu lợi bất chính, hăm vui chơi nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên đây là vụ đánh bạc với số tiền không lớn, ít nghiêm trọng nên cần có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo bị cáo là người thực hành tích cực, bị cáo K là người rủ bị cáo N, bị cáo L, bị cáo Đ và cho các bị cáo đánh bạc tại chòi của mình, bị cáo L rủ bị cáo Ch và chuẩn bị phương tiện để đánh bạc. Số tiền của các bị cáo tham gia đánh bạc được xác định cụ thể: Hồ Quang K có 02 triệu đồng, Trần Văn N có 650.000đ. Nguyễn Văn Lai có 4.100.000đ, Nguyễn Văn Ch có 260.000đ, nhưng không sử dụng vào mục đích đánh bạc mà chỉ ngồi bên cạnh để giúp L thu hoặc trả tiền cho các con bạc khác khi L thắng hoặc thua. Nguyễn Tấn Đ có 1.000.000đ. Võ Thành T có 4.000.000đ, Nguyễn Thị C1 có 4.850.000đ, C1 lấy 150.000đ để chơi, Phan Văn C có 300.000đ. Số tiền dùng để đánh bạc của các bị cáo T, C1, L và K nhiều hơn các bị cáo khác nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác..

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Thiết nghĩ cần áp dụng khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo nhận thấy chính sách khoan hồng của pháp luật và cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét đề nghị của Đại diện VKS nhân dân huyện Ea Súp về tội danh, hình phạt đối với bị cáo, về các biện pháp tư pháp là có cơ sở cần chấp nhận.

[6] Các bị cáo là những người làm nông, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn N và Phan Văn C phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về Điều luật và mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

-Xử phạt bị cáo **Hồ Quang K** (Tên gọi khác H): 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai Bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L**: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị C1**: 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn Đ**: 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt bị cáo **Trần Văn N**: 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Ch**: 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Xử phạt bị cáo **Võ Thành T**: 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Phan Văn C**: 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn N và Phan Văn C về UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo dõi giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc theo dõi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C1, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn N và Phan Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3.Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

- Tuyên tịch thu tủy hủy:
 - + 01 đĩa tròn bằng sứ, đường kính 09cm, sâu 2,5cm;
 - + 01 nắp nhựa màu đỏ, viền dán băng keo màu đen rộng 1,5cm, đường kính 6,5cm, sâu 4,3cm, dạng hình trụ rỗng một đầu bịt kín.
 - + 03 viên nhựa hình lục giác, có các chấm màu đỏ, đen trên các mặt;
 - + 01 chiếu cói kích thước (1,6x2)m của gia đình Hồ Quang Khải;
 - + 01 tấm bạt nilong màu trắng đục, có đặc điểm: mặt trên tấm bạt ghi các con số từ 4 đến 17, được chia làm hai phần, một bên có chữ TÀI, một bên có chữ XỈU, kích thước tấm bạt (1,16x0,98)m;
 - + 11 hột nhựa hình lục giác có các chấm đen, đỏ từ 01 đến 06;
 - + 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 10,5cm
 - + 01 nắp nhựa màu đỏ hình trụ rỗng, đường kính 6,4cm
 - + 03 thanh kim loại bề mặt nhám kích thước 1,5x9,5cm
 - + 22 thanh kim loại được uốn cong, nhọn một đầu theo hình cựa gà nằm trong 11 bao da màu nâu dài 8,8cm
 - + 01 tấm bạt bằng nilong kích thước 105x100cm, một mặt xanh, một mặt nâu có ghi số thứ tự từ 04 đến 17 và số 20, 30 chia làm 02 bên có chữ tài, xỉu, giữa tấm bạt có ghi hột kê hòa. Là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 35 bằng hình thức: Trả lại ông Trần Văn N: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei 867582036887916; Trả cho Phan Văn C: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS màu đen, số Imei 864271032961593; Trả lại Võ Thành T: 01 điện thoại di động hiệu PHILIPS 106 màu đen, số Imei 867582036829017; Trả lại Nguyễn Văn Ch: 01 điện thoại di động hiệu FORME màu xanh lá, số Imei 3590710807533138; Trả cho Đoàn Nguyễn Thế A: 01 xe máy nhãn hiệu DETECH màu xanh đen, biển kiểm soát 47AB-957.33, số máy VDEJQ139FMB-2306496, số khung RPEKCB3PEHA306496. Trả cho Trần Thanh Ph: 01 xe máy

nhãn hiệu SIRIUS màu đỏ đen, biển kiểm soát 61G1-180.16, số máy 5C63584282, số khung RLCS5C630BY584229. Trả cho chị Phan Thị Bé P: 01 xe máy nhãn hiệu SYM, loại ANGEL màu vàng, biển kiểm soát 47P1-067.94, số máy VMVCAA-D008981, số khung RLGMD11CDCD008981. Trả cho chị Phạm Thị V: 01 xe máy nhãn hiệu WAVE RSX màu đỏ - đen, biển kiểm soát 47P1-047.11, số máy JC52E-5181171, số khung RLHJC522XCY705109; 01 giấy đăng ký xe mô tô tên Phạm Thị V, xe biển kiểm soát 47P1-047.11; Trả cho bà Lê Thị Đ; 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 48F2-9174, số máy C100ME-0090347, số khung C100M0090347. Trả cho Hồ Quang K: 01 giấy phép lái xe mang tên Hồ Quang K số 660128806432. Trả cho ông Hồ Văn T: Số tiền 45.000.000đ.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 20.080.000đ thu tại chiếu bạc. (Trong đó có 260.000đ của Nguyễn Văn Ch. Tại phiên tòa bị cáo Ch từ chối nhận lại và đề nghị sung công quỹ nhà nước) theo phiếu ủy nhiệm chi lập ngày 10/12/2018.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước đối với chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu xanh nhạt, số Imei 353408094159942 của Hồ Quang K sử dụng vào mục đích phạm tội.

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 7.710.000đ (*Bảy triệu bảy trăm mười ngàn đồng*) đối với bị cáo Hồ Quang K. (Là tiền 1/2 giá trị của căn chòi dùng vào việc phạm tội).

- Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) đối với bị cáo Nguyễn Văn Lai. (Là tiền 1/2 giá trị của chiếc xe máy bị cáo Lai dùng vào việc phạm tội).

- Tạm giữ 01 chiếc xe máy nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 47M4-4722, số máy RL1150FMG-A000398, số khung RL1DCG4HY6B000398 của bị cáo Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Bé T để đảm bảo thi hành án. Sau khi bị cáo L thực hiện xong nghĩa vụ truy thu số tiền 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) thì bị cáo L được nhận lại 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II màu tím, biển kiểm soát 47M4-4722, số máy RL1150FMG-A000398, số khung RL1DCG4HY6B000398.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo Hồ Quang K, Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn L, Võ Thành T, Nguyễn Tấn Đ, Trần Văn N và Phan Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã I
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Thành Huế